

**CÔNG TY TNHH EMOCA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH EMOCA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EMOCA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: EMOCA CO ., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108798521

**3. Ngày thành lập:** 01/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Căn hộ 14 nhà H16 – khu TT Đại học Sư phạm I, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết: Dịch vụ kế toán<br>Tư vấn kinh tế, thuế;<br>Dịch vụ liên quan khác về kế toán, thuế theo quy định của pháp luật.<br>Dịch vụ làm thủ tục về thuế                                                                                                                                                                                                                                                  | 6920(Chính) |
| 2.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6619        |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690        |
| 4.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4719        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4649        |
| 6.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6190        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6209        |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6311        |
| 9.  | Cổng thông tin<br>Trừ hoạt động báo chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6312        |
| 10. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4773        |
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo<br>bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- - Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559        |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8560        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THỊ HẰNG     | Xóm 1, Xã Thanh Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                                                    | 1.000.000.000         | 50,000    | 168300024                                                                                                                                         |         |
| 2   | TRẦN THỊ HỒNG VÂN | Căn hộ 14 nhà H16 – khu TT Đại học Sư phạm I, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.000.000.000         | 50,000    | 025189000424                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ HỒNG VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025189000424

Ngày cấp: 12/07/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 14 nhà H16 – khu TT Đại học Sư phạm I, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 14 nhà H16 – khu TT Đại học Sư phạm I, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội